

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		196,234,063,272	184,862,891,385
I. Tiền	110		8,010,341,645	5,143,947,198
1. Tiền	111	V.01	8,010,341,645	5,143,947,198
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12,400,000,000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12,400,000,000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	V.02	87,491,052,826	68,409,813,846
1. Phải thu khách hàng	131		75,159,584,470	57,056,378,204
2. Trả trước cho người bán	132		1,888,447,654	2,193,395,625
3. Các khoản phải thu khác	138		11,109,060,233	9,160,040,017
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(666,039,531)	-
IV. Hàng tồn kho	140		81,494,933,118	106,051,369,594
1. Hàng tồn kho	141	V.03	81,494,933,118	106,051,369,594
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,837,735,683	5,257,760,747
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	1,133,124,422	1,550,113,629
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.05	5,589,510,922	3,075,010,026
3. Các khoản thuế phải thu	152		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	115,100,339	632,637,092
B. Tài sản dài hạn	200		108,784,149,123	102,221,799,552
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		106,246,276,801	99,762,966,230
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	92,028,876,388	85,444,877,244
- Nguyên giá	222		117,842,933,944	101,592,277,172
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25,814,057,556)	(16,147,399,928)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.09	9,087,739,346	8,591,323,534
- Nguyên giá	228		9,333,550,910	8,633,550,910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(245,811,564)	(42,227,376)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	5,129,661,067	5,726,765,452
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	229		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,037,872,322	1,876,176,291
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	2,037,872,322	1,876,176,291
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		500,000,000	582,657,031
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		305,018,212,395	287,084,690,937

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		176,988,327,581	171,722,740,482
I. Nợ ngắn hạn	310		157,909,327,581	147,720,447,123
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	122,137,008,226	79,906,678,166
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	27,775,299,408	58,785,638,649
3. Người mua trả tiền trước	313		1,493,375,489	395,559,594
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.13	478,725,620	67,097,459
5. Phải trả công nhân viên	315		2,239,209,234	3,320,036,309
6. Chi phí phải trả	316	V.14	289,915,637	1,168,593,443
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	3,495,793,967	4,076,843,503
II. Nợ dài hạn	320		19,079,000,000	24,002,293,359
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	324	V.16	19,079,000,000	24,002,293,359
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400		128,029,884,814	115,361,950,455
I. Nguồn vốn - Quỹ	410	V.17	127,524,097,179	115,062,482,878
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31,306,550,000	31,287,710,000
3. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	(200,900,000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		3,616,734,255	2,756,137,108
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		12,600,812,924	1,219,535,770
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		505,787,635	299,467,577
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		505,787,635	299,467,577
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		305,018,212,395	287,084,690,937
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gởi			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi NH - USD			11,434.04	11,434.04
6. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi NH - EUR			7,378.18	7,378.18
7. Hạn mức kinh phí còn lại			-	-
8. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện nay			-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

THÁI THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ báo cáo từ ngày 01/10 đến ngày 31/12 năm 2009 (Quý 4 năm 2009)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 Năm 2009	Lũy kế Năm 2009	Năm 2008	9 tháng đầu năm Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng	01		151,404,370,096	509,959,298,022	572,776,500,098	358,554,927,926
2. Các khoản giảm trừ	03		1,115,005,645	4,308,010,722	4,474,225,093	3,193,005,077
3. Doanh thu thuần	10	VI.01	150,289,364,451	505,651,287,300	568,302,275,005	355,361,922,849
4. Giá vốn hàng bán	11		103,865,522,719	402,405,367,292	480,080,205,188	298,539,844,573
5. Lợi nhuận gộp	20		46,423,841,732	103,245,920,008	88,222,069,817	56,822,078,276
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.02	3,372,944,874	6,305,734,692	2,026,626,957	2,932,789,818
7. Chi phí tài chính	22	VI.03	4,490,534,875	9,451,458,589	10,929,966,030	4,960,923,714
- Trong đó: lãi vay	23		4,349,727,072	8,100,695,219	10,929,966,030	3,750,968,147
8. Chi phí bán hàng	24		17,264,879,749	54,107,658,451	52,722,022,455	36,842,778,702
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16,640,843,371	25,127,768,193	12,383,392,116	8,486,924,822
10. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		11,400,528,611	20,864,769,467	14,213,316,172	9,464,240,856
11. Thu nhập khác	31	VI.04	646,968,798	2,079,013,456	4,970,341,008	1,432,044,659
12. Chi phí khác	32	VI.05	566,064,186	678,163,603	1,913,023,214	112,099,417
13. Lợi nhuận khác/(lỗ) (31-32)	40		80,904,612	1,400,849,853	3,057,317,794	1,319,945,242
14. Lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết,	45					
15. Tổng lợi nhuận (lỗ) trước thuế	50		11,481,433,223	22,265,619,320	17,270,633,967	10,784,186,098
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	IV.06	79,506,396	79,506,396	58,691,032	-
17. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59		11,401,926,827	22,186,112,924	17,211,942,935	10,784,186,098
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-	-	-
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		11,401,926,827	22,186,112,924	17,211,942,935	10,784,186,098
21. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	IV.07	1,425	2,773	2,157	1,348

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

THÁI THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ báo cáo từ ngày 01/10 đến ngày 31/12 năm 2009 (Quý 4 năm 2009)

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	22,265,619,320	17,270,633,966
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	9,870,241,816	7,644,263,968
Các khoản dự phòng	03	666,039,531	(1,912,348,759)
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(432,944,496)	(82,537,208)
Chi phí lãi vay	06	8,100,695,219	10,929,966,030
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	40,469,651,390	33,849,977,997
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(21,661,585,623)	6,679,219,837
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	24,556,436,476	(45,122,431,849)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(32,104,705,906)	34,017,714,370
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	255,293,176	436,154,463
Tiền lãi vay đã trả	13	(8,100,695,219)	(11,215,918,938)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	65,571,343	(59,550,122)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(168,061,700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3,479,965,637	18,417,104,058
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(16,353,552,387)	(52,708,837,583)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	1,771,343,022
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	(14,900,000,000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	2,500,000,000	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	212,142,113
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	432,944,496	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28,320,607,891)	(50,725,352,448)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	110,900,000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	(200,900,000)
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	33	42,230,330,060	396,836,933,871
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4,923,293,359)	(354,445,771,210)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(9,600,000,000)	(10,276,626,600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	27,707,036,701	32,024,536,061
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,143,947,198	5,427,659,527
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	8,010,341,645	5,143,947,198

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

THÁI THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Thông tin doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gò Đàng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5303000064 ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Trong năm 2007, Công ty chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty Cổ phần Gò Đàng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5303000064 ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp, vốn điều lệ của Công ty là: 80.000.000.000 đồng.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty, thông qua Công ty mẹ và các công ty con, có hoạt động chính là chế biến thủy sản.

3 Địa chỉ

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô 45 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4 Các công ty con

Công ty có 03 (ba) công ty con, được hợp nhất trong báo cáo tài chính.

5 Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>% Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>% Quyền biểu quyết</i>
<i>Công ty TNHH TM Gò Đàng</i>	<i>Số 202/33 đường Cô Bắc, quận 1, TP.HCM</i>	<i>Thu mua hàng thủy sản</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
<i>Công ty TNHH XNK An Phát</i>	<i>Lô 25, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang</i>	<i>Chế biến hàng thủy sản</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
<i>Công ty TNHH TM TS Việt Đức</i>	<i>Lô 45, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang</i>	<i>Thu mua hàng thủy sản</i>	<i>100</i>	<i>100</i>

Công ty cổ phần Gò Đàng đầu tư trực tiếp 99% và gián tiếp 1% vào các Công ty con.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

IV Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng

1 Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gò Đàng và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

2 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi.

3 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được kết chuyển vào chi phí quản lý trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được đánh giá giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang được tập hợp từ chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp dựa trên mức công suất bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Kỳ báo cáo từ ngày 01/10 đến ngày 31/12 năm 2009 (Quý 4 năm 2009)***(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Dự phòng hàng hoá tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm hàng hoá tồn kho có thể xảy ra dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	3 - 6 năm

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh

7 Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và không khấu hao.

8 Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

9 Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11 Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu quỹ, công cụ vốn sở hữu được Công ty mua lại, trình bày trên phần nguồn vốn như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu, bằng với chi phí mua lại. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

12 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14 Các quỹ của Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính được lập nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm đầu tư mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho công nhân viên.

15 Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cũ thể sau đây phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

16 Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

Mức thuế suất áp dụng cho các Công ty con là 28%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ báo cáo từ ngày 01/10 đến ngày 31/12 năm 2009 (Quý 4 năm 2009)

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích lập các quỹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm cổ phiếu được mua bởi Nhóm Công ty mà đang được giữ như là cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích lập các quỹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, loại trừ các cổ phiếu phổ thông được Nhóm Công ty mua lại là cổ phiếu ngân quỹ cộng số lượng bình quân gia quyền của các cổ phiếu sẽ được phát hành cho việc chuyển đổi tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền

18 Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các chính sách tài chính và hoạt động của bên kia. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

19 Tài sản cầm cố thế chấp

Tài sản cầm cố thế chấp được xem là một khoản đảm bảo khi được ghi nhận trong hợp đồng vay. Bất kỳ một sự hạn chế sử dụng nào cũng được thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

20 Tài khoản ngoài bảng

Giá trị được ghi nhận trong tài khoản ngoài bảng theo hệ thống chuẩn mực kế toán Việt nam được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Kỳ báo cáo từ ngày 01/10 đến ngày 31/12 năm 2009 (Quý 4 năm 2009)
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2009	01/01/2009
Tiền mặt	3,085,768,851	2,631,714,762
Tiền gửi ngân hàng	4,924,572,794	2,131,083,833
Tiền đang chuyển	-	381,148,603
Cộng	<u>8,010,341,645</u>	<u>5,143,947,198</u>
	-	-
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2009	01/01/2009
Phải thu khách hàng trong nước	1,084,488,490	8,699,672,994
Phải thu khách hàng nước ngoài	74,291,835,980	48,356,705,210
Trả trước người bán - khác	1,671,707,654	2,193,395,625
Phải thu khác	11,109,060,233	9,160,040,017
Cộng	<u>88,157,092,357</u>	<u>68,409,813,846</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(666,039,531)	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	<u>87,491,052,826</u>	<u>68,409,813,846</u>
	-	-
3. Hàng tồn kho	31/12/2009	01/01/2009
Nguyên vật liệu	293,992,302	4,962,442,267
Công cụ, dụng cụ trong kho	3,983,616,905	4,625,936,043
Chi phí sản xuất dở dang	29,862,567,889	18,076,680,865
Thành phẩm tồn kho	44,492,551,465	73,697,273,673
Hàng hóa tồn kho	2,862,204,557	4,689,036,746
Hàng gửi bán	-	-
Cộng	<u>81,494,933,118</u>	<u>106,051,369,594</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	<u>81,494,933,118</u>	<u>106,051,369,594</u>
	-	-
4. Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2009	01/01/2009
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1,133,124,422	1,550,113,629
Khac	-	-
Cộng	<u>1,133,124,422</u>	<u>1,550,113,629</u>
	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn là công cụ dụng cụ kết chuyển vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích dưới 01 năm.		
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	31/12/2009	01/01/2009
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	5,589,510,922	3,075,010,026
Cộng	<u>5,589,510,922</u>	<u>3,075,010,026</u>
	-	-
6. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
Tạm ứng nhân viên - Ông Nguyễn Văn Đạo - TGD	-	-
Tạm ứng nhân viên - Ông Lê Sơn Tùng - Phó GD	-	-
Tạm ứng nhân viên - Khác	115,100,339	30,637,092
Ký quỹ ngắn hạn	-	602,000,000
Cộng	<u>115,100,339</u>	<u>632,637,092</u>
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Kỳ báo cáo từ ngày 01/10 đến ngày 31/12 năm 2009 (Quý 4 năm 2009)
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2009	01/01/2009
Tiền thuê đất	686,927,269	898,273,913
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	-	133,865,911
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1,350,945,053	703,220,011
Chi phí trước hoạt động	-	140,816,456
Cộng	2,037,872,322	1,876,176,291

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ kết chuyển vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích hơn 01 năm.

8. Tài sản cố định

	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	53,425,195,158	43,374,572,877	4,245,767,212	546,741,925	101,592,277,172
Tăng	2,128,625,150	10,957,969,048	3,183,561,905	65,500,669	16,335,656,772
Giảm	-	85,000,000	-	-	85,000,000
Số dư cuối kỳ	55,553,820,308	54,247,541,925	7,429,329,117	612,242,594	117,842,933,944
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu kỳ	6,422,544,617	8,674,254,209	905,335,572	145,265,530	16,147,399,928
Tăng	3,208,056,828	5,566,158,270	474,312,824	418,129,706	9,666,657,628
Giảm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	9,630,601,445	14,240,412,479	1,379,648,396	563,395,236	25,814,057,556
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	47,002,650,541	34,700,318,668	3,340,431,640	401,476,395	85,444,877,244
Số dư cuối kỳ	45,923,218,863	40,007,129,446	6,049,680,721	48,847,358	92,028,876,388

Tài sản tại Công ty con, Công ty TNHH XNK TS An Phát, có giá trị 65.082.400.424 VND được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Liên Việt - chi nhánh TP.HCM được thuyết minh tại mục V.16.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền SD đất/nhà trọ nhân viên	Quyền SD đất/vùng nuôi cá	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	1,759,189,960	6,825,466,910	48,894,040	8,633,550,910
Tăng	-	700,000,000	-	700,000,000
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1,759,189,960	7,525,466,910	48,894,040	9,333,550,910
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	-	42,227,376	42,227,376
Tăng	-	198,584,190	4,999,998	203,584,188
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	198,584,190	47,227,374	245,811,564
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	1,759,189,960	6,825,466,910	6,666,664	8,591,323,534
Số dư cuối kỳ	1,759,189,960	7,326,882,720	1,666,666	9,087,739,346

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Kỳ báo cáo từ ngày 01/10 đến ngày 31/12 năm 2009 (Quý 4 năm 2009)
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2009	01/01/2007
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án:		
Công trình xây dựng nhà trọ nhân viên	-	1,780,104,591
Khác	5,129,661,067	3,886,660,861
Công trình xây dựng nhà máy tại Công ty TNHH An Phát	-	60,000,000
Cộng	<u>5,129,661,067</u>	<u>5,726,765,452</u>
11. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2009	01/01/2009
Vay ngắn hạn	122,137,008,226	79,906,678,166
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	<u>122,137,008,226</u>	<u>79,906,678,166</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Số dư vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư vay cuối kỳ
Vay NH Công Thương - CN8	47,729,206	379,307,267	340,946,443	86,090,030
Vay NH Công Thương - CN8	15,147,098	95,391,847	95,833,701	14,705,244
Vay cá nhân (a)	15,487,297	3,921,984	1,500,000	17,909,281
Vay Vinaceglass (b)	643,077	1,321,426	643,077	1,321,426
Vay cá nhân (c)	900,000	2,111,027	900,000	2,111,027
Vay khác	-	-	-	-
Cộng	<u>79,906,678</u>	<u>482,053,551</u>	<u>439,823,221</u>	<u>122,137,008</u>

(a) Khoản vay cá nhân - Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc, cổ đông sáng lập Công ty, tại ngày 31/12/2009 là 13.987.297 ngàn đồng với lãi suất 1,1% tháng và 3.921.984 ngàn đồng không tính lãi. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(b) Khoản vay từ Công ty Vinaceglass, Công ty liên kết, tại ngày 31/12/2009 là 1.321.426 ngàn đồng. Khoản vay này không cần tài sản đảm bảo và không tính lãi.

(c) Khoản vay cá nhân - Ông Lê Sơn Tùng, Phó Tổng Giám đốc, tại ngày 31/12/2009 là 2.111.027 ngàn đồng. Khoản vay này không cần tài sản đảm bảo và không tính lãi.

12. Phải trả người bán và người mua trả trước	31/12/2009	01/01/2009
Phải trả người bán - Nguyên vật liệu	11,487,971,915	50,342,371,989
Phải trả người bán - Máy móc thiết bị, xây dựng	2,536,042,542	4,782,731,433
Phải trả người bán - khác	13,751,284,951	3,660,535,227
Cộng	<u>27,775,299,408</u>	<u>58,785,638,649</u>
13. Thuế và các khoản phải nộp	31/12/2009	01/01/2009
Thuế TNDN phải nộp	75,325,880	9,754,537
Thuế GTGT	403,399,740	57,342,922
Cộng	<u>478,725,620</u>	<u>67,097,459</u>
14. Chi phí phải trả	31/12/2009	01/01/2009
Chi phí lãi vay phải trả	-	-
Chi phí thuê đất, mặt bằng, nhà xưởng	-	204,832,280
Chi phí thuê tủ đông	-	361,664,600
Chi phí phải trả khác	289,915,637	602,096,563
Cộng	<u>289,915,637</u>	<u>1,168,593,443</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ báo cáo từ ngày 01/10 đến ngày 31/12 năm 2009 (Quý 4 năm 2009)

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/12/2009	01/01/2009
15. Phải trả khác		
Tiền nhận cọc mua phế phẩm, phế liệu	3,070,000,000	3,758,000,000
Các khoản phải trả khác	425,793,967	318,843,503
Cộng	<u>3,495,793,967</u>	<u>4,076,843,503</u>
16. Vay và nợ dài hạn		
Vay dài hạn	19,079,000,000	24,002,293,359
Cộng	<u>19,079,000,000</u>	<u>24,002,293,359</u>
Trừ các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng cộng	<u>19,079,000,000</u>	<u>24,002,293,359</u>

Chi tiết các khoản vay ngân hàng

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Số dư vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư vay cuối kỳ
Ngân hàng Liên Việt (a)	24,002,293	-	4,923,293	19,079,000
Cộng	<u>24,002,293</u>	<u>-</u>	<u>4,923,293</u>	<u>19,079,000</u>

(a) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Liên Việt chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, theo hợp đồng tín dụng với mục đích đầu tư nhà máy chế biến thủy sản và kho lạnh bảo quản thủy sản. thời hạn vay 60 tháng và lãi suất 12%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản hình thành từ nguồn vốn vay được thuyết minh tại mục số V.08.

17. Vốn chủ sở hữu**Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: ngàn đồng

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước								
Số đầu năm	73,340,190	-	-	-	-	-	4,066,796	77,406,986
Phát hành cổ phiếu mới	6,659,810	31,277,710	-	-	-	-	-	37,937,520
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(200,900)	-	-	-	-	(200,900)
Lợi nhuận tăng thêm	-	10,000	-	-	-	-	17,211,943	17,221,943
Trích các quỹ	-	-	-	2,756,137	-	465,913	(3,222,050)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(166,445)	-	(166,445)
Tăng vốn góp của CSH	-	-	-	-	-	-	(16,835,537)	(16,835,537)
Tăng giảm khác	-	-	-	-	-	-	(1,616)	(1,616)
Số cuối năm	<u>80,000,000</u>	<u>31,287,710</u>	<u>(200,900)</u>	<u>2,756,137</u>	<u>-</u>	<u>299,468</u>	<u>1,219,536</u>	<u>115,361,951</u>
Năm nay								
Số đầu năm	80,000,000	31,287,710	(200,900)	2,756,137	-	299,468	1,219,536	115,361,951
Phát hành cổ phiếu mới	-	-	-	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	18,840	(91,000)	-	-	-	-	(72,160)

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Kỳ báo cáo từ ngày 01/10 đến ngày 31/12 năm 2009 (Quý 4 năm 2009)
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	291,900	-	-	-	-	291,900
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	22,186,113	22,186,113
Trích các quỹ	-	-	-	860,597	-	344,239	(1,204,836)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(137,919)	-	(137,919)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(9,600,000)	(9,600,000)
Tăng giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	80,000,000	31,306,550	-	3,616,734	-	505,788	12,600,813	128,029,885

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ này	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu			
Doanh thu bán hàng - Xuất khẩu	151,404,370,096	494,359,777,995	496,313,085,949
Doanh thu bán hàng - Trong nước	-	12,644,397,307	62,758,681,522
Doanh thu khác	-	2,955,122,720	13,704,732,627
Cộng	151,404,370,096	509,959,298,022	572,776,500,098
Trừ			
Giảm giá hàng bán	-	-	(1,566,588,472)
Hàng bán bị trả lại	(1,115,005,645)	(4,308,010,722)	(2,907,636,621)
Cộng doanh thu thuần	150,289,364,451	505,651,287,300	568,302,275,005
2. Doanh thu hoạt động tài chính			
Lãi tiền gửi	281,230,629	432,944,496	62,626,765
Lãi chênh lệch tỷ giá	3,091,027,380	5,866,885,989	1,726,200,485
Thu nhập tài chính khác	686,864	5,904,207	237,799,707
Cộng	3,372,944,873	6,305,734,692	2,026,626,957
3. Chi phí hoạt động tài chính			
Chi phí lãi vay ngân hàng	4,349,727,072	6,432,112,909	8,827,781,297
Chi phí lãi vay đối tượng khác	-	1,668,582,310	2,102,184,733
Lỗ chênh lệch tỷ giá	140,807,803	1,350,763,370	-
Cộng	4,490,534,875	9,451,458,589	10,929,966,030
4. Thu nhập khác			
Thu thanh lý tài sản	-	-	1,771,343,022
Khác	646,968,798	2,079,013,456	3,198,997,986
Cộng	646,968,798	2,079,013,456	4,970,341,008
5. Chi phí khác			
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	-	1,688,805,814
Khác	566,064,186	678,163,603	224,217,400
Cộng	566,064,186	678,163,603	1,913,023,214
6. Chi phí thuế thu nhập hiện hành			
Lợi nhuận trước thuế	11,481,433,223	22,265,619,320	17,270,633,967
Các khoản điều chỉnh			
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	(166,666,667)
Lợi nhuận chịu thuế	11,481,433,223	22,265,619,320	17,103,967,300
Lợi nhuận được miễn thuế TNDN	11,027,110,962	21,811,297,059	19,998,393,412
Lỗ chuyển sang các năm sau	-	-	(3,118,967,356)
Lợi nhuận chịu thuế TNDN	454,322,261	454,322,261	224,541,243
Thuế TNDN hiện hành	79,506,396	79,506,396	58,691,032

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Kỳ báo cáo từ ngày 01/10 đến ngày 31/12 năm 2009 (Quý 4 năm 2009)
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế	11,401,926,827	22,186,112,924	17,211,942,935
Số CP đang lưu hành	8,000,000	8,000,000	7,979,910
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,425	2,773	2,157

VII. Các thông tin bổ sung báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chỉ tiêu	Kỳ này	Năm trước
Các thông tin liên quan đến hoạt động mua lại		
Giá trị mua	-	600,000,000
Phần giá trị mua thanh toán bằng tiền	-	600,000,000
Số tiền hiện có tại công ty con vào ngày mua	-	812,142,113
Giá trị tài sản và công nợ hiện có tại công ty con được mua		
Các khoản phải thu	-	1,366,217,754
Hàng tồn kho	-	644,327,371
Tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang	-	1,105,790,898
Nợ ngắn hạn	-	3,911,135,167

VIII. Các thông tin khác

1. Nghiệp vụ với các Bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các Bên liên quan chủ yếu sau:

Vay	Năm 2009	Năm 2008
Công ty Sành sứ thủy tinh Việt Nam	1,321,425,600	643,077,000
Ông Lê Sơn Tùng	2,111,026,800	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	3,921,984,000	3,450,000,000

Các khoản công nợ với các Bên liên quan tại ngày 31/12/2009.

Nợ vay phải trả	Năm 2009	Năm 2008
Công ty Sành sứ thủy tinh Việt Nam	1,321,425,600	1,286,154,000
Ông Lê Sơn Tùng	2,111,026,800	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	15,487,297,180	18,937,297,000

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

THÁI THỊ KHÁNH VÂN
Kế toán trưởng
Ngày 30 tháng 8 năm 2009

NGUYỄN VĂN ĐẠO
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NỘI DUNG	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
I. Tài sản ngắn hạn	196,234,063,272	197,105,696,295
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	8,010,341,645	14,834,484,702
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	12,400,000,000	-
3. Các khoản phải thu	87,491,052,826	85,347,433,470
4. Hàng tồn kho	81,494,933,118	91,463,605,911
5. Tài sản ngắn hạn khác	6,837,735,683	5,460,172,212
II. Tài sản dài hạn	108,784,149,123	99,051,596,957
1. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2. Tài sản cố định	106,246,276,801	96,978,497,375
- TSCĐ hữu hình	92,028,876,388	83,297,800,122
- TSCĐ thuê tài chính	-	-
- TSCĐ vô hình	9,087,739,346	8,452,665,020
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5,129,661,067	5,228,032,233
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	2,037,872,322	1,548,708,255
5. Lợi thế thương mại	500,000,000	524,391,327
III. TỔNG CỘNG TÀI SẢN	305,018,212,395	296,157,293,252
IV. Nợ phải trả	176,988,327,581	169,890,635,501
1. Nợ ngắn hạn	157,909,327,581	154,501,635,501
2. Nợ dài hạn	19,079,000,000	15,389,000,000
V. Nguồn vốn chủ sở hữu	128,029,884,814	126,266,657,751
1. Nguồn vốn - Quỹ	127,524,097,179	125,722,170,116
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80,000,000,000	80,000,000,000
- Thặng dư vốn cổ phần	31,306,550,000	31,306,550,000
- Các quỹ	3,616,734,255	3,616,734,255
- Lợi nhuận chưa phân phối	12,600,812,924	10,798,885,861
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
2. Nguồn kinh phí, quỹ khác	505,787,635	544,487,635
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	505,787,635	544,487,635
- Nguồn kinh phí	-	-
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI. Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	305,018,212,395	296,157,293,252

THÁI THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT - TÓM TẮT

Kỳ báo cáo từ ngày 01/10 đến ngày 31/12 năm 2009 (Quý 4 năm 2009)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Quý 4 Năm 2009	Lũy kế Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng	151,404,370,096	509,959,298,022
2. Các khoản giảm trừ	1,115,005,645	4,308,010,722
3. Doanh thu thuần	150,289,364,451	505,651,287,300
4. Giá vốn hàng bán	103,865,522,719	402,405,367,292
5. Lợi nhuận gộp	46,423,841,732	103,245,920,008
6. Doanh thu hoạt động tài chính	3,372,944,874	6,305,734,692
7. Chi phí tài chính	4,490,534,875	9,451,458,589
- Trong đó: lãi vay	4,349,727,072	8,100,695,219
8. Chi phí bán hàng	17,264,879,749	54,107,658,451
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16,640,843,371	25,127,768,193
10. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	11,400,528,611	20,864,769,467
11. Thu nhập khác	646,968,798	2,079,013,456
12. Chi phí khác	566,064,186	678,163,603
13. Lợi nhuận khác/(lỗ) (31-32)	80,904,612	1,400,849,853
15. Tổng lợi nhuận (lỗ) trước thuế	11,481,433,223	22,265,619,320
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	79,506,396	79,506,396
17. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11,401,926,827	22,186,112,924
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	11,401,926,827	22,186,112,924
21. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	1,425	2,773

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

THÁI THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 01 năm 2010

NGUYỄN VĂN ĐẠO

Tổng Giám đốc